

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 86/2021/DS-PT

Ngày 18 - 6 - 2021

V/v Chia di sản thừa kế.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân

2. Trần Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/DS - PT về việc: “Chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐ - PT ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M; địa chỉ: Xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Xuân Q và ông Phạm Văn P; địa chỉ: 99 NQ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (ông Q có mặt, ông P vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S; địa chỉ: Xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ch; địa chỉ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Bà Đinh Thị Kim Th (vợ ông Nguyễn Ngọc S); địa chỉ: Xã B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Nguyễn Ngọc S (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M

Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Cụ Nguyễn Văn G và cụ Phạm Thị L có 04 người con gồm ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc T. Quá trình chung sống cụ G và cụ L có khai hoang một lô đất diện tích 3.620m². Năm 1983, cụ Nguyễn Văn G chết. Đến năm 2001, cụ Phạm Thị L làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 18/01/2001 được Ủy ban nhân dân huyện Krông Buk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 253373, thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10 mang tên hộ bà Phạm Thị L, thửa đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn; phía Tây giáp vườn đồi thông; phía Nam giáp vườn nhà ông B1 Cường; phía Bắc giáp đất vườn nhà ông V. Trên đất có dựng một căn nhà gỗ và trồng cây lâu năm, trước đó cụ L đã tách cho ông Nguyễn Ngọc T một phần đất khoảng hơn 1000 m², việc cụ L tách cho ông T đã được anh chị em trong gia đình đồng ý nên ông không yêu cầu chia. Ông chỉ yêu cầu chia diện tích còn lại khoảng 2.500 m² đất. Năm 2012, cụ Phạm Thị L chết thì diện tích đất này giao cho ông Nguyễn Ngọc S quản lý và chăm sóc. Nay các anh em trong gia đình không thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên ông yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế cho ông được hưởng thừa kế là 700m² đất (trong đó, đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 500m²) và tài sản gắn liền với diện tích đất, tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường liên thôn dài 10m; phía Tây giáp phần còn lại của vườn nhà dài 10m; phía Nam giáp đất nhà ông B1 Cường dài 70m; phía Bắc giáp nhà ông V dài 70m.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ông là con trai út của cụ Nguyễn Văn G và cụ Phạm Thị L, là em trai của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Ngọc T.

Thừa nhận cụ G và cụ L đã khai hoang một lô đất diện tích 3.620 m². Năm 1983 cụ G chết, năm 1993 cụ L cắt khoảng hơn 1000 m² cho anh Nguyễn Ngọc T. Sau đó cụ L đã làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số R 253373, thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10 mang tên Hộ bà Phạm Thị L, cấp ngày 18/01/2001.

Năm 2012, cụ L chết. Trước khi chết cụ L đã di chúc để lại toàn bộ tài sản là thửa đất trên cho ông. Nay ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu chia di sản thừa kế cho ông M 10 (mười) m ngang thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý chia cho ông M diện tích $6\text{m} \times 76,3\text{m} = 457.8 \text{ m}^2$. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất của cụ G, cụ L đã chia cho anh Nguyễn Ngọc T với diện tích đo đạc thực tế là $1.174,26 \text{ m}^2$ thì ông không yêu cầu chia, phần đất đó cụ L đã chia cho ông T nên ông T có quyền được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Bà là con gái của cụ Nguyễn Văn G và cụ Phạm Thị L, là em gái của ông Nguyễn Ngọc M và là chị của Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc S. Tài sản thừa kế của bố mẹ chúng tôi để lại là thửa đất ông M, ông S đã trình bày ở trên. Khi còn sống mẹ tôi là cụ L sống chung với ông S. Năm 1993 cụ L đã chia $1.174,26 \text{ m}^2$ cho ông Nguyễn Ngọc T, còn hơn 2500 m^2 cụ L và ông S sử dụng trước khi chết cụ L di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Nguyễn Ngọc S. Nay bà đồng ý với di chúc của mẹ bà để lại, không có yêu cầu gì trong vụ án này, đối với phần di sản bà được hưởng bà nhường cho ông Nguyễn Ngọc S. Bà Ch từ chối nhận di sản thừa kế. Nay ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu chia di sản thừa kế bà không đồng ý với yêu cầu của ông M. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ G, cụ L theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông M đồng ý thỏa thuận chia cho ông Nguyễn Ngọc M diện tích $6\text{m} \times 76,3\text{m} = 457.8 \text{ m}^2$ thì đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với diện tích đo đạc thực tế $1.174,26 \text{ m}^2$ cụ L chia cho ông Nguyễn Ngọc T bà đề nghị Tòa án công nhận cho ông T. Bà chỉ đề nghị chia phần đất hiện nay ông Nguyễn Ngọc S đang quản lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông là con trai của cụ Nguyễn Văn G và cụ Phạm Thị L, là em trai của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ch và là anh trai của ông Nguyễn Ngọc S. Thừa nhận trước đây cụ G và cụ L có khai hoang một lô đất diện tích 3.620 m^2 . Cụ G chết năm 1983. Năm 1993 cụ L cắt một phần đất phía sau vườn cho ông diện tích $1.174,26 \text{ m}^2$. Sau đó, cụ L đã lập thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 253373, thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10 mang tên hộ bà Phạm Thị L, cấp ngày 18/01/2001. Năm 2012, cụ Phạm Thị L chết. Khi còn sống cụ L đã di chúc để lại toàn bộ tài sản là thửa đất trên cho ông Nguyễn Ngọc S. Hiện nay ông đang quản lý và sử dụng diện tích $1.174,26 \text{ m}^2$ đất. Trên đất, năm 2016 ông đã xây một ngôi nhà cấp bốn, diện tích khoảng 70 m^2 , đất còn lại năm 2018 ông

trồng tiêu và cà phê. Ông T đề nghị Tòa án tách phần diện tích đất mà ông được cụ L chia cho vào năm 1993 với diện tích là 1.174,26 m² đất phía sau (theo số liệu xem xét thẩm định tại chỗ). Có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Hà Ngọc Bảy dài 35m; phía Tây giáp đất ông Quế dài 33,7m; phía Nam giáp đường đất dài 34,5m; phía Bắc giáp phần đất còn lại anh Sa đang quản lý dài 33,87m.

Nay ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất mà ông Nguyễn Ngọc S đang quản lý thì ông yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật. ông không yêu cầu chia di sản thừa kế trong diện tích mà ông Nguyễn Ngọc S đang quản lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 620, Điều 621, Điều 624, Điều 626, Điều 630, Điều 635 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu được hưởng thừa kế diện tích 700m² đất (trong đó, đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 500m²) và các tài sản gắn liền với đất, nằm trong phần diện tích 2.506,7m² hiện ông Nguyễn Ngọc S đang quản lý (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R253373, thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10 do Ủy ban nhân dân huyện Krông Buk cấp ngày 18/01/2001 mang tên hộ bà Phạm Thị L).

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.500.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu toàn bộ chi phí này (đã chi phí xong).

3. Về án phí Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá trị diện tích đất tranh chấp là 500.000.000 đồng)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2021 nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm, tuyên bản di chúc của bà Phạm Thị L vô hiệu và chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 06/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị với nội dung: Cấp sơ thẩm không nhận định cụ thể về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện, không xem xét về hình thức di chúc, không thu thập chứng cứ để xác định những người thừa kế trong vụ án và thu thập chứng cứ không đầy đủ. Bản di chúc của cụ L vi phạm về hình thức và vượt quá phạm vi di sản nên di chúc không đủ điều kiện và không hợp pháp. Do di chúc không hợp pháp nên tài sản thừa kế được chia theo pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm tính sai án phí sơ thẩm cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 317/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2021.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 317/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2021. Xét thấy: Thời hiệu khởi kiện thừa kế của cụ G vẫn còn hiệu lực nên di sản thừa kế của cụ G phải được chia theo pháp luật. Di chúc của cụ L là vi phạm quy định của pháp luật về hình thức và vượt quá phạm vi di sản nên bị vô hiệu. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ quyết định kháng nghị, và hủy toàn bộ án sơ thẩm của cấp sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Văn G chết ngày 08/7/1983 không để lại di chúc. Cụ Phạm Thị L chết ngày 20/02/2012 có lập di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Cụ G chết ngày 08/7/1983, căn cứ vào pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ G là 30 năm được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 29/4/2020 ông M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G, cụ L là còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.620m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R253373, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp ngày 18/01/2001 mang tên hộ bà Phạm Thị L là do cụ G và cụ L khai hoang. Đây là khối tài sản chung của cụ G và cụ L tạo lập được khi còn sống. Như vậy phần di sản của cụ G là ½ khối tài sản, của cụ L cũng là ½ khối tài sản trên.

[2.3] Về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G và cụ L cấp sơ thẩm không thu thập các tài liệu chứng cứ để xác định ai là những người thừa kế trong vụ án. Tuy nhiên, tất cả các đương sự trong vụ án đều xác định: Cụ G và cụ L là vợ chồng, quá trình chung sống 02 cụ có 04 người con, lần lượt là Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc S. Như vậy, khi cụ G chết những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm: Vợ là Phạm Thị L, các con là Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc S. Khi cụ L chết những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Cụ L gồm 04 người con là Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc S.

[2.4] Xét kháng cáo của ông M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc yêu cầu hủy bản di chúc của cụ L được chứng thực ngày 11/11/2009 thấy rằng: Bản di chúc được chứng thực ngày 11/11/2009 thể hiện tại thời điểm lập di chúc cụ L hoàn toàn tinh táo, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng do đi lại khó khăn cụ L yêu cầu cán bộ tư pháp xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk trực tiếp xuống tận nhà lập di chúc trước mặt có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp, có xác nhận của UBND xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk di chúc này có hiệu lực đối với cụ L. Tại thời điểm lập di chúc thì phần di sản thừa kế của cụ G chưa được chia (1/2 thửa đất 404), cụ L cũng là hàng thừa kế thứ nhất của cụ G nên cũng được hưởng 1/5 tài sản thừa kế trong ½ thửa đất 404. Như vậy, tài sản của cụ L tại thời điểm lập di chúc là 1/2 thửa đất số 404 và phần tài sản thừa kế của cụ G để lại cho cụ L là 1/10 thửa đất số 404. Nhưng tại bản di chúc trên cụ L lại để lại toàn bộ thửa đất cho ông S là vượt quá phạm vi di sản. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần di chúc của cụ L được chứng thực ngày 11/11/2009 đối với phần di sản của cụ G để lại cho các đồng thừa kế khác.

[2.5] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M đối với tài sản thừa kế của cụ G và cụ L thấy rằng: Các đương sự đều xác định di sản của cụ G và cụ L Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thì thửa đất số 404, tờ bản đồ 10 có diện tích thực tế là 3.681 m² (được chia là 02 thửa. Trong đó, thửa thứ nhất do ông S quản lý sử dụng có diện tích 2.506,74m², thửa thứ 2 do ông T quản lý sử dụng có diện tích 1.174,26 m²). Sau khi cụ G chết không để lại di chúc nên hàng

thừa kế thứ nhất của cụ G là 05 người, gồm: cụ L, ông M, bà Ch, ông T, ông S. Mỗi người được hưởng 1/5 phần di sản của Cụ G để lại.

Do di chúc của cụ L là hợp pháp nên ông Nguyễn Ngọc S được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ L cùng với phần di sản của cụ G để lại cho cụ L. Ngoài ra, khi xem xét chia di sản thừa kế của cụ G thì ông S còn được xem xét đến công sức gìn giữ tôn tạo khối tài sản trên.

Xét thấy: Khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cấp sơ thẩm đã thẩm định và định giá toàn bộ tài sản, không xác định rõ vị trí tài sản ông M yêu cầu chia di sản thừa kế thuộc vị trí nào trong thửa đất, trên diện tích đất đó có những tài sản gì, giá trị của tài sản trên đất là bao nhiêu, vị trí tứ cận như thế nào. Kết quả định giá của hội đồng định giá chỉ xác định đất trên có giá thực tế là 50.000.000đ/01m ngang (mặt đường). Cho nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Theo quy định của pháp luật thì ông M được hưởng di sản thừa kế mà cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông M.

[2.6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần án phí sơ thẩm là có căn cứ, bởi lẽ tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án thì khi không chấp nhận đơn yêu cầu chia di sản thừa kế thì người yêu cầu chia di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng cấp sơ thẩm buộc ông M phải chịu 24.000.000đ án phí có giá ngạch là không đúng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hủy bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai AA/2019/0018176 ngày 30/3/2021 do ông Nguyễn Ngọc M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B;
- Chi cục thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết

